Chi tiết mã HS 3006.40.10

Mã HS	3006.40.10
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác; xi măng gắn xương: / - - Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 19:14:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30064010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4677
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4677
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4677
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4601
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4562
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4562
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4562
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4562
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4562
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4562
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4600
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4600

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4600
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4600
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4600
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4600
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4604
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4604
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4604
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4604
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4604
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4604
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4604
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4568
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4564
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4564
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4564
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4564
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4564
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4564
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4564
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4564
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4564
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4564
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4564
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4564
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4611
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4611
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4611
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4611
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4611
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4608
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4608
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4608
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4608
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4608
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4608
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4616
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4616
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4616
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4616
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4616
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4616
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4587
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4587
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4587
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4587
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4587
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4587
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4589
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4589
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4589
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4589

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4589
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4589
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4587
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4587
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4587
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4587
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4587
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4587
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4587
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4608
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4608
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4608
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4608
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4608
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4608
RCEP B	2022	2022	0	B!D4608
RCEP B	2023	2023	0	B!E4608
RCEP B	2024	2024	0	B!F4608
RCEP B	2025	2025	0	B!G4608
RCEP B	2026	2026	0	B!H4608
RCEP B	2027	2027	0	B!I4608
RCEP C	2022	2022	0	C!D4608
RCEP C	2023	2023	0	C!E4608
RCEP C	2024	2024	0	C!F4608
RCEP C	2025	2025	0	C!G4608
RCEP C	2026	2026	0	C!H4608

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4608
RCEP D	2022	2022	0	D!D4608
RCEP D	2023	2023	0	D!E4608
RCEP D	2024	2024	0	D!F4608
RCEP D	2025	2025	0	D!G4608
RCEP D	2026	2026	0	D!H4608
RCEP D	2027	2027	0	D!I4608
RCEP E	2022	2022	0	E!D4611
RCEP E	2023	2023	0	E!E4611
RCEP E	2024	2024	0	E!F4611
RCEP E	2025	2025	0	E!G4611
RCEP E	2026	2026	0	E!H4611
RCEP E	2027	2027	0	E!I4611
RCEP F	2022	2022	0	F!D4608
RCEP F	2023	2023	0	F!E4608
RCEP F	2024	2024	0	F!F4608
RCEP F	2025	2025	0	F!G4608
RCEP F	2026	2026	0	F!H4608
RCEP F	2027	2027	0	F!I4608
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4248
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4248
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4248
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4248

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3006.40 có 2 dòng thuế; dòng 3006.40.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Xi măng hàn răng và các chất hàn răng khác.	3006.40.20 Xi măng gắn xương	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3006.40.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3006.40.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4677), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.